

Số: 29 /2021/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 20 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ  
phát triển tài sản trí tuệ có sử dụng ngân sách  
nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;*

*Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển tài sản trí tuệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 01 năm 2022.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Ullc*

**Nơi nhận:**

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ KH&CN;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- BLĐVP UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Các Phòng: KT, NN;
- Lưu: VT, Phòng CNXD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH** *Luu*



**Nguyễn Quỳnh Thiện**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH**

**Quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển  
tài sản trí tuệ có sử dụng ngân sách nhà nước**

**trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

*(Kèm theo Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND  
ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển tài sản trí tuệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (gọi tắt là nhiệm vụ) bao gồm: xây dựng, xác định và phê duyệt danh mục nhiệm vụ; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ; ký hợp đồng, kiểm tra và điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác quản lý các nhiệm vụ.

2. Nhiệm vụ thuộc phạm vi điều chỉnh tại quy định này bao gồm: các nhiệm vụ đáp ứng tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP và nhiệm vụ thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhiệm vụ được xây dựng trên cơ sở kế thừa, áp dụng các kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đã được tổng kết, nghiệm thu phù hợp với điều kiện của địa phương.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển tài sản trí tuệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

**Điều 3. Nguyên tắc quản lý**

1. Thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Việc quản lý các nhiệm vụ phải bảo đảm công khai, minh bạch. Các nhiệm vụ được triển khai theo đúng mục tiêu, nội dung và không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của chủ thể quyền khác.

3. Sử dụng kinh phí nhà nước đúng mục đích, có hiệu quả, không lãng phí, tuân thủ Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

**Điều 4. Yêu cầu đối với các nhiệm vụ**

1. Có tính cấp thiết, phù hợp với mục tiêu, nội dung và định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực, địa

phương.

2. Kết quả, sản phẩm được áp dụng thực tiễn hoặc giải quyết các vấn đề về lý luận, khoa học trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, có tính bền vững và có khả năng duy trì, nhân rộng sau khi nhiệm vụ kết thúc.

3. Không trùng lặp với nhiệm vụ đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh.

4. Thời gian đề xuất thực hiện nhiệm vụ tối đa là 36 tháng (không bao gồm thời gian gia hạn khi cần thiết). Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

### **Điều 5. Yêu cầu đối với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ**

1. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

a) Có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ.

b) Có khả năng huy động kinh phí đối ứng thực hiện nhiệm vụ (đối với nhiệm vụ có yêu cầu phải huy động kinh phí đối ứng).

c) Không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (gọi tắt là Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN).

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

a) Có trình độ đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực của nhiệm vụ hoặc là tác giả của đối tượng quy định tại Điều 3 Luật Sở hữu trí tuệ đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ liên quan đến các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ này.

b) Có khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc của chủ nhiệm nhiệm vụ.

c) Không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

## **Chương II**

### **XÂY DỰNG, XÁC ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ**

#### **Điều 6. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ**

1. Hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là cấp huyện) hoặc tổ chức, cá nhân đề xuất đặt hàng nhiệm vụ theo Biểu mẫu B1-ĐXNV ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 (gọi tắt là Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN).

2. Đề xuất đặt hàng được gửi trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Khoa học và Công nghệ.

## **Điều 7. Xác định và phê duyệt danh mục nhiệm vụ**

1. Trong 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tiếp nhận đề xuất đặt hàng nhiệm vụ theo quy định tại Điều 6 Quy định này, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, rà soát, xem xét, tổ chức Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.

2. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập, có 07 thành viên, bao gồm: Chủ tịch hội đồng, 01 Phó Chủ tịch hội đồng, 02 ủy viên phản biện, 01 thư ký khoa học và các ủy viên khác. Thành viên Hội đồng là chuyên gia về sở hữu trí tuệ, chuyên gia có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực của nhiệm vụ, đại diện cơ quan quản lý nhà nước hoặc các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ chỉ tiến hành họp khi có sự tham dự của ít nhất 05 thành viên, trong đó phải có Chủ tịch hội đồng hoặc Phó Chủ tịch hội đồng và có 02 ủy viên phản biện (có mặt trực tiếp hoặc tham dự trực tuyến). Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp hội đồng. Trong trường hợp vắng mặt, Chủ tịch hội đồng ủy quyền cho Phó Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp bằng văn bản.

a) Trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 18 Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (gọi tắt là Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN).

b) Thành viên hội đồng nhận xét, đánh giá các đề xuất đặt hàng nhiệm vụ theo quy định tại Điều 5 Quy định này và Biểu mẫu B2-NXNV ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN. Hội đồng thống nhất “Đề nghị thực hiện” đối với đề xuất đặt hàng nhiệm vụ có tối thiểu 75% tổng số thành viên hội đồng tham dự phiên họp bỏ phiếu “Đề nghị thực hiện” và đề xuất phương thức thực hiện (“Tuyển chọn” hoặc “Giao trực tiếp”).

c) Hội đồng thông qua Biên bản họp theo Biểu mẫu B3-BBNV ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

4. Trong trường hợp có đề nghị của Chủ tịch hội đồng và ít nhất 01 ủy viên phản biện, trước khi tổ chức họp hội đồng; Sở Khoa học và công nghệ tổ chức khảo sát thực địa, làm việc với đơn vị đề xuất đặt hàng và các đơn vị khác có liên quan để kiểm tra, đánh giá thông tin, số liệu nhằm xác định sự phù hợp của đối tượng, hình thức và tiêu chí bảo hộ; xác định nội dung, phương thức quản lý và phát triển tài sản trí tuệ phục vụ việc xem xét, đánh giá đề xuất nhiệm vụ.

5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng thông qua biên bản họp, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng Danh mục nhiệm vụ đặt hàng theo Biểu mẫu B4-DMNV ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

## **Điều 8. Công bố danh mục nhiệm vụ**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ công bố Danh mục nhiệm vụ đặt hàng trên Trang thông tin điện tử

của Sở Khoa học và Công nghệ.

### **Chương III**

## **TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**

### **Điều 9. Thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ**

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ gồm các thông tin cơ bản sau đây: tên nhiệm vụ; định hướng mục tiêu nhiệm vụ; sản phẩm dự kiến; yêu cầu về hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ; thời gian và địa chỉ nộp hồ sơ.

### **Điều 10. Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ**

Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

### **Điều 11. Nội dung và tiếp nhận hồ sơ**

1. Cách thức nộp hồ sơ và ngày tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 6 Quy định này.

2. Trong thời hạn tiếp nhận hồ sơ, tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ có quyền rút hồ sơ, thay hồ sơ mới hoặc bổ sung, sửa đổi hồ sơ đã nộp. Văn bản bổ sung, sửa đổi là bộ phận cấu thành của hồ sơ đã nộp trước đó.

### **Điều 12. Kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ**

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thành việc kiểm tra, xác nhận tính hợp lệ và lập Biên bản theo Biểu mẫu B7-KTHS ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

2. Hồ sơ được coi là hợp lệ nếu nhiệm vụ thuộc Danh mục được công bố theo quy định tại Điều 8 và đáp ứng quy định tại Điều 5, 10 và Điều 11 Quy định này.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản theo quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo về tính hợp lệ của hồ sơ cho tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ.

### **Điều 13. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ**

1. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập, có 07 thành viên, bao gồm Chủ tịch hội đồng, 01 Phó Chủ tịch hội đồng, 02 ủy viên phản biện, 01 thư ký khoa học và các ủy viên khác. Thành viên hội đồng là chuyên gia về sở hữu trí tuệ, chuyên gia có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực của nhiệm vụ, đại diện

cơ quan quản lý nhà nước hoặc các tổ chức khác có liên quan, trong đó có ít nhất 02 thành viên đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.

2. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN không được tham gia hội đồng.

**Điều 14. Tiêu chí, thang điểm đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ**

Việc đánh giá hồ sơ đăng ký chủ trì nhiệm vụ được tiến hành theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

**Điều 15. Nguyên tắc, trình tự và nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ**

1. Nguyên tắc làm việc của hội đồng

a) Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ có 07 thành viên và chỉ tiến hành họp khi có sự tham dự của ít nhất 05 thành viên, trong đó phải có Chủ tịch hội đồng hoặc Phó Chủ tịch hội đồng và 02 ủy viên phân biện (có mặt trực tiếp hoặc tham dự trực tuyến). Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp hội đồng. Trong trường hợp vắng mặt, Chủ tịch hội đồng ủy quyền cho Phó Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp bằng văn bản theo Biểu mẫu B2-7-GUQ của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

b) Các thành viên hội đồng có trách nhiệm đánh giá hồ sơ một cách trung thực, khách quan và công bằng, chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và chịu trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng.

2. Trình tự và nội dung làm việc của hội đồng

a) Phiên họp hội đồng được tổ chức trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản mở hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Quy định này. Hội đồng làm việc theo trình tự và nội dung quy định tại Điều 11 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

b) Biên bản kiểm phiếu của hồ sơ được lập theo Biểu mẫu B9-BBKP và biên bản họp hội đồng được lập theo Biểu mẫu B10-BBHĐTC ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

3. Hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ theo kết luận của hội đồng

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hội đồng thông qua biên bản họp, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kết quả họp hội đồng cho tổ chức nộp hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.

b) Trường hợp có ý kiến khác với kết quả họp hội đồng, tổ chức nộp hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp gửi ý kiến bằng văn bản đến Sở Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Sở Khoa học và Công nghệ ban hành văn bản thông báo kết quả họp hội đồng.

c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày hội đồng thông qua biên bản họp, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ được kiến nghị tuyển chọn, giao trực tiếp nộp cho Sở Khoa học và Công nghệ các tài liệu sau đây:

- Hồ sơ đã được hoàn thiện theo kết luận của hội đồng (nếu có);
- Bản giải trình có xác nhận của Chủ tịch hội đồng về những nội dung đã được hoàn thiện theo kết luận của hội đồng.

**Điều 16. Điều kiện hồ sơ được tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

**Điều 17. Tư vấn độc lập đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ**

1. Trường hợp cần thiết, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của tổ chức nộp hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 Quy định này, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc lấy ý kiến của ít nhất 02 chuyên gia tư vấn độc lập.

2. Điều kiện đối với chuyên gia tư vấn độc lập, thủ tục lấy ý kiến và trách nhiệm của chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo quy định tại Điều 18, khoản 2 Điều 19 và Điều 20 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản cho tổ chức nộp hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

4. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày Sở Khoa học và Công nghệ ban hành văn bản thông báo theo quy định tại khoản 3 Điều này, tổ chức được kiến nghị giao chủ trì hoàn thiện và gửi hồ sơ cho Sở Khoa học và Công nghệ (nếu có).

**Điều 18. Thẩm định nội dung và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ**

1. Việc thẩm định nội dung và dự toán kinh phí do Tổ thẩm định nội dung và dự toán kinh phí tiến hành. Tổ thẩm định do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập, có 05 thành viên, gồm có: Tổ trưởng là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, 01 thành viên là Chủ tịch hội đồng hoặc Phó Chủ tịch hội đồng hoặc ủy viên phản biện của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ, 01 thành viên là kế toán của Sở Khoa học và Công nghệ, 01 thành viên là đại diện của Sở Tài chính và 01 thành viên là lãnh đạo phòng chuyên môn quản lý nhiệm vụ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ và trình tự làm việc của Tổ thẩm định được thực hiện theo quy định tại Điều 13, 14 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 15 và khoản 4 Điều 17 Quy định này (nếu có), Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp thẩm định nội dung và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Tổ thẩm định thông qua biên bản họp, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả thẩm định nội dung và dự toán kinh phí cho tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ.



### **Điều 19. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ**

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Sở Khoa học và Công nghệ ban hành văn bản thông báo kết quả thẩm định nội dung và dự toán kinh phí, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của Tổ thẩm định và gửi lại Sở Khoa học và Công nghệ sau khi có xác nhận của Tổ trưởng Tổ thẩm định.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

3. Hồ sơ trình phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư số 03/2021/TT-BKHCHN.

### **Điều 20. Công bố kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ**

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ công bố kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Nội dung công bố bao gồm: Tên nhiệm vụ; tên, địa chỉ của tổ chức chủ trì, tên chủ nhiệm nhiệm vụ và thời gian thực hiện.

## **Chương IV**

### **KÝ HỢP ĐỒNG, KIỂM TRA VÀ ĐIỀU CHỈNH TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

#### **Điều 21. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ**

Căn cứ Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ theo Biểu mẫu B11-HĐNV ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCHN.

#### **Điều 22. Kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ**

1. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm báo cáo định kỳ (6 tháng và hàng năm) tính từ ngày phát sinh số dư tài khoản tiền gửi để thực hiện nhiệm vụ do Sở Khoa học và Công nghệ tạm ứng kinh phí lần đầu, hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện nhiệm vụ và sử dụng kinh phí của nhiệm vụ theo Biểu mẫu B12-BCĐK và B13-BCKP ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCHN.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện có nhiệm vụ được triển khai trên địa bàn, tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.

3. Quy trình kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ

a) Nội dung kiểm tra: thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 29 Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN.

b) Thời gian kiểm tra:

- Định kỳ 06 tháng/lần kể từ ngày phát sinh số dư tài khoản tiền gửi của tổ chức chủ trì do Sở Khoa học và Công nghệ tạm ứng kinh phí thực hiện nhiệm vụ lần đầu.

- Đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Thành phần tham gia kiểm tra:

- Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ hoặc người được lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ ủy quyền làm Trưởng đoàn kiểm tra.

- 01 cán bộ quản lý chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ.

- 01 kế toán của Sở Khoa học và Công nghệ.

- 01 thành viên của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ (nếu cần).

- Thành phần khác theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Trình tự kiểm tra: thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (gọi tắt là Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN).

Trường hợp cần thiết, đoàn kiểm tra có thể yêu cầu kiểm tra chất lượng, thông số kỹ thuật của sản phẩm tại cơ quan có chuyên môn phù hợp. Kinh phí cho việc kiểm tra chất lượng, thông số kỹ thuật của sản phẩm do Sở Khoa học và Công nghệ chi từ kinh phí tổ chức quản lý các nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh.

đ) Xử lý kết quả sau khi kiểm tra: thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 11 Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN.

### **Điều 23. Điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ**

1. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ có thể đề nghị Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét gia hạn hoặc rút ngắn thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức chủ trì nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét lý do đề nghị gia hạn, rút ngắn thời gian thực hiện nhiệm vụ.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ. Thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện không quá 24 tháng.

4. Việc rút ngắn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét khi đã hoàn

thành được ít nhất 2/3 nội dung công việc được giao.

#### **Điều 24. Các thay đổi, điều chỉnh khác**

1. Thay đổi tổ chức chủ trì nhiệm vụ và chủ nhiệm nhiệm vụ

a) Thay đổi tổ chức chủ trì nhiệm vụ và chủ nhiệm nhiệm vụ chỉ được thay đổi tổ chức chủ trì trong trường hợp có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi hình thức, giải thể tổ chức chủ trì. Tổ chức chủ trì mới phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này.

b) Việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ được thực hiện trong các trường hợp quy định tại Điều 16 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCHN. Chủ nhiệm nhiệm vụ mới phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy định này.

3. Điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ, nội dung, kinh phí từ ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ, kinh phí thực hiện nhiệm vụ ngoài ngân sách nhà nước và mua sắm nguyên vật liệu, mua máy móc thiết bị; việc điều chỉnh này được thực hiện theo quy định tại các Điều 13, 14, 15 và Điều 18 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCHN.

#### **Điều 25. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thay đổi, điều chỉnh**

1. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ quyết định điều chỉnh các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCHN.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc điều chỉnh xem xét gia hạn hoặc rút ngắn thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Quy định tại khoản 3 Điều 23 Quy định này.

3. Các nội dung điều chỉnh không thuộc khoản 1, 2 Điều này, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

4. Trình tự, thủ tục điều chỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCHN.

#### **Điều 26. Chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**

1. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ: thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCHN.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục chấm dứt hợp đồng

a) Thẩm quyền thực hiện chấm dứt hợp đồng:

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng. Quyết định chấm dứt hợp đồng cần xác định rõ số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước, phương án xử lý sản phẩm, tài sản được hình thành hoặc mua sắm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (nếu có).

- Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ.

b) Trình tự, thủ tục chấm dứt hợp đồng: thực hiện theo quy định tại Điều 22

Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN.

## **Chương V**

### **ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

#### **Điều 27. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Biểu mẫu B14-BCTĐG ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN trước khi nộp hồ sơ cho Sở Khoa học và Công nghệ đánh giá, nghiệm thu.

#### **Điều 28. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN.

#### **Điều 29. Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu gồm 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký), được trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 và 01 bản điện tử của hồ sơ (dạng PDF, không đặt mật khẩu).

2. Việc nộp và tiếp nhận hồ sơ được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

3. Thời hạn nộp hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 7 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (gọi tắt là Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014).

#### **Điều 30. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ hợp lệ.

2. Hội đồng có 07 thành viên, trong đó phải có Chủ tịch hội đồng, 01 Phó Chủ tịch hội đồng, 02 ủy viên phản biện, 01 thư ký khoa học và các ủy viên khác. Các thành viên hội đồng là chuyên gia về sở hữu trí tuệ, chuyên gia có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực của nhiệm vụ, đại diện cơ quan có liên quan, trong đó có ít nhất 01 thành viên đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ.

3. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 9 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN không được tham gia hội đồng.

#### **Điều 31. Trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Phiên họp của hội đồng được tổ chức trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày

có Quyết định thành lập hội đồng và chỉ tiến hành khi bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Sở Khoa học và Công nghệ đã nhận được đầy đủ ý kiến nhận xét bằng văn bản của 02 ủy viên phản biện ít nhất 01 ngày làm việc trước phiên họp hội đồng.

b) Có sự tham dự của ít nhất 05 thành viên, trong đó phải có Chủ tịch hội đồng hoặc Phó Chủ tịch hội đồng và ít nhất 02 ủy viên phản biện (có mặt trực tiếp hoặc tham dự trực tuyến).

2. Trình tự làm việc của hội đồng: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

3. Đối với nhiệm vụ có hoạt động triển khai thực địa, nhiệm vụ có sản phẩm trung gian, sản phẩm là các mô hình, thiết bị cụ thể, sản phẩm phải đo kiểm: trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức cho hội đồng kiểm tra, đánh giá thực tế, hiện trường thực hiện hoặc kiểm tra, đánh giá chất lượng, thông số kỹ thuật sản phẩm tại cơ quan có chuyên môn phù hợp.

### **Điều 32. Nguyên tắc và kinh phí đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu: thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

2. Kinh phí đánh giá, nghiệm thu

a) Kinh phí đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ do Sở Khoa học và Công nghệ chi từ kinh phí tổ chức quản lý các nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh.

b) Chi phí phát sinh để hoàn thiện các sản phẩm và hồ sơ nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của hội đồng do tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ tự chi trả.

### **Điều 33. Nội dung đánh giá và xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ của hội đồng**

1. Nội dung, tiêu chí đánh giá: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

2. Phương pháp đánh giá, xếp loại nhiệm vụ của hội đồng: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

3. Đối với nhiệm vụ được hội đồng đánh giá, xếp loại “Nghiệm thu”, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hội đồng thông qua biên bản họp, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu theo kết luận của hội đồng và nộp cho Sở Khoa học và Công nghệ sau khi được Chủ tịch hội đồng xác nhận về việc hoàn thiện hồ sơ.

4. Đối với nhiệm vụ được hội đồng đánh giá, xếp loại “Không nghiệm thu”, thì sẽ được xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng

ngân sách nhà nước.

5. Việc tổ chức lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập về đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 14, 22 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN.

#### **Điều 34. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN.

#### **Điều 35. Thanh lý hợp đồng và xử lý tài sản sau khi kết thúc nhiệm vụ**

1. Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thanh lý hợp đồng thực hiện với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ theo Biểu mẫu B18-TLHD ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN.

2. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm quản lý, khai thác hoặc bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành. Việc xử lý tài sản (bao gồm tài sản trí tuệ) được hình thành từ nguồn vốn nhà nước đầu tư thực hiện nhiệm vụ, được thực hiện theo quy định hiện hành.

#### **Điều 36. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì nhiệm vụ**

Trách nhiệm của tổ chức chủ trì nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 43 Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN.

#### **Điều 37. Trách nhiệm của chủ nhiệm nhiệm vụ**

Trách nhiệm của chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 44 Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN.

### **Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 38. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và chủ động đề xuất nhiệm vụ; chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xác định nhiệm vụ; tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ; ký kết hợp đồng với cơ quan chủ trì để triển khai nhiệm vụ, kiểm tra đánh giá giữa kỳ và xử lý các vấn đề điều chỉnh theo thẩm quyền; tổ chức nghiệm thu đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ; đề xuất các giải pháp khai thác có hiệu quả và phát triển kết quả nhiệm vụ; đồng thời, chủ động thực hiện các nội dung khác thuộc thẩm quyền.

3. Tổ chức thẩm định kinh phí, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ theo Quy định này.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan có liên quan tổ chức xử

lý tài sản trong quá trình triển khai nhiệm vụ hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, thu hồi kinh phí đối với các nhiệm vụ không hoàn thành theo quy định.

5. Chủ trì quản lý tình hình sử dụng kinh phí và kiểm tra các chứng từ đề nghị quyết toán, xác nhận việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ, chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

6. Giữ bí mật thông tin liên quan đến quá trình đánh giá của hội đồng tư vấn, tổ chức lưu giữ hồ sơ quản lý nhiệm vụ; tổ chức đăng ký lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

### **Điều 39. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

Tham mưu cấp thẩm quyền bố trí theo khả năng cân đối của ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 40. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố**

1. Căn cứ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, địa phương thuộc chức năng quản lý, chủ động đặt hàng đề xuất các nhiệm vụ xây dựng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Đề xuất các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ thiết bị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa đã được bảo hộ nhãn hiệu (đổi mới giống, cây con, quy trình công nghệ thiết bị, máy móc,...).

3. Rà soát, chủ động đề xuất các nhiệm vụ xây dựng hoặc cải tiến bộ nhận diện cốt lõi nhãn hiệu của các sản phẩm hàng hóa đã được bảo hộ nhãn hiệu (mẫu mã bao bì, kiểu dáng công nghiệp, tạo lập hoặc cải tiến trang web, xây dựng phim hình quảng bá, xác lập mã truy xuất nguồn gốc QR-code,...).

### **Điều 41. Điều khoản thi hành**

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.